Tên	Employee	Tháng	Từ ngày	Tới ngày	
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/05/2024	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				30/04/2024	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/03/2024	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				29/02/2024	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/01/2024	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				30/11/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/10/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				30/09/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/08/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/07/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				30/06/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/05/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				30/04/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				28/02/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/01/2023	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/12/2022	View
Salary Slip of Bùi Hữu Lợi f				31/10/2022	View

Salary Slip of Bùi Hữu Lợi for May-2024

Dear Anh/chị Bùi Hữu Lợi,

Phòng Nhân sự trân trọng gửi đến Anh/chị thông tin lương tháng 5 năm 2024, như sau:

I- Thông tin lương			
1. Thông tin chung			
1.1 Họ và tên: Bùi Hữu Lợi			
1.2 Đơn vị : VTI.D8		**Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động 03 năm**	
II- Ngày công			
2.1 Ngày công chuẩn của tháng		24.00	
2.2 Tổng công hưởng lương 1 (100% lương tháng)		24.00	
2.3 Tổng công hưởng lương 2 (Ngày công trước khi thay đổi loại HĐ or hưởng khác 100% lương hoặc công WFH)- Nếu có		0.00	
2.4 Số ngày chưa vào trong tháng			
2.5. Số ngày nghỉ việc trong tháng		0.00	
2.6. Công WFH chênh lệch tỉ lệ		0.0	
2.7 Ngày công thực tế		23.00	
2.8 Ngày nghỉ phép năm		0.00	
2.9 Ngày nghỉ bù		0.00	
2.10 Ngày nghỉ Lễ, Tết		1.00	
2.11 Ngày nghỉ hiếu/hỉ		0.00	
2.12 Ngày nghỉ không hưởng lương		0.00	
III- Số giờ làm thêm (OT) tháng hiện tại			
3.1 OT ngày thường ban ngày	0.00	OT ngày thường ban đêm	0.00
3.2 OT ngày nghỉ ban ngày	0.00	OT ngày nghỉ ban đêm	0.00
3.3 OT ngày lễ ban ngày	0.00	OT ngày lễ ban đêm	0.00
IV- Thông tin lương			
4.1 Tổng thu nhập thỏa thuận: 12,500,000			
4.1.1 Tổng thu nhập thỏa thuận tháng trước: 0			
Trong đó:			
a. Lương cơ bản đóng bảo hiểm		5,100,000	
b. Thưởng hiệu suất công việc		3,600,000	
c. Các khoản trợ cấp, phụ cấp		3,800,000	
4.2 KPI			
KPI Hiệu quả công việc (KPI.1)		1.00	
KPI Mức độ tuân thủ (KPI.2)		1.00	
4.3 Lương hiệu quả thực tế ***[=(4.1.b*(KPI.1+KPI.2)/2)]***		3,600,000	
V- Tổng thu nhập thực tế *[=(5.1)+(5.2)+(5.3)+(5.4)+(5.6)+(5.7)+(5.8))+(5.9)-(5.5)]*		**13,140,000**	
Trong đó:			
5.1 Lương theo ngày công ***[=(4.1)/(2.1)*(2.2)+(4.1)/(2.1)*(2.3)]***		12,500,000	

5.1 Thưởng KPI ***[=(4.3)-4.1.b)]***	0
5.3 Lương bổ sung	640,000
5.4 Lương OT: Lương OT tháng hiện tại Lương OT tháng trước	 0 0
5.5 Truy thu trước thuế	0
5.6 Thưởng performance	
5.7 Thưởng (close dự án, cá nhân xuất sắc, KPI….)	0
5.8 Thưởng khác	0
5.9 Thưởng tháng lương 13	0
VI- Truy lĩnh (khoản đã nhận trước kỳ lương, đưa vào lương để tính thuế TNCN, không làm ảnh hưởng tới (V) Tổng thu nhập thực tế.)	0
VII- Các khoản giảm trừ	
Trong đó:	
7.1 BHXH, BHYT, BHTN	535,500
7.2 Truy thu 4.5% BHYT	0
7.3 Giảm trừ bản thân+ gia cảnh Số người phụ thuộc đăng ký giảm trừ	11,000,000 0 người
7.4 Các khoản thu nhập không tính vào Thu nhập chịu thuế TNCN a. Phụ cấp ăn ca b. Phụ cấp điện thoại c. Lương OT (không bao gồm lương của số giờ OT quy đổi ngày nghỉ bù) *[= (5.4)]*	 730,000 300,000 0
VIII- Thuế TNCN	
8.1 Thu nhập chịu thuế ***[= (V)-(7.4a)-(7.4b)-(5.4)+(VI)]***	12,110,000
8.2 Thu nhập tính thuế ***[=(8.1)-(7.1)-7.2)-(7.3)]***	574,500
8.3 Thuế TNCN phải nộp ***[=(8.1)*mức thuế suất theo quy định]***	28,700
IX- Các khoản truy thu/truy lĩnh sau thuế	
9.1 Truy lĩnh sau thuế	0
9.2 Truy thu sau thuế	0
9.3 Tạm giữ lương	0
9.4 Truy thu Thuế TNCN	0
9.5 Thoái trả Thuế TNCN	0
X- Thực lĩnh *[=(V)-(7.1)-(7.2)-(8.3)+(9.1)-(9.2)-(9.3)-(9.4)+(9.5)]*	**12,575,800**
Ghi chú: Phụ cấp Labo MNS_Labo640000;	

Diễn giải:

1. Mục 2.3 áp dụng mức lương trước khi thay đổi loại hợp đồng hoặc các trường hợp khác có số

Close